HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 109/2014/NQ-HĐND	*Pleiku, ngày 11 tháng 12 năm 2014*

NGHỊ QUYẾT

Quy định các định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 8

(Từ ngày 08/12 đến ngày 11/12/2014)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công và Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của các Bộ Tài chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông; Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của các Bộ Tài chính, Bộ Công thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương và Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBDT-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18/11/2013 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 4676/TTr-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đề nghị quy định các định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội

đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ 8, HĐND tỉnh Khóa X,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định các định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới của tỉnh Gia Lai; cụ thể như sau:

I. Đối tượng hỗ trợ

1. Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại (bao gồm cả chủ gia trại).

2. Tổ chức: Hợp tác xã, tổ hợp tác.

II. Định mức hỗ trợ: Áp dụng các định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn là các quy định đang được triển khai trên địa bàn tỉnh; cụ thể như sau:

1. Mức hỗ trợ mở lớp tập huấn:

1.1. Người sản xuất được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 70.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn do cấp tỉnh tổ chức; không quá 50.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn do các huyện, thị xã, thành phố tổ chức. Hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/đợt tập huấn đối với người học xa nơi cư trú từ 15km trở lên; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo mức khoán nhưng tối đa không quá 150.000 đồng/người/đợt tập huấn. Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức tập huấn bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

1.2. Chủ trang trại, chủ gia trại được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% theo mức quy định tại mục 1.1 nêu trên.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức tập huấn bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí.

1.3. Người tham gia tập huấn đối với mô hình trình diễn được hỗ trợ tiền ăn không quá 25.000 đồng/người/ngày.

2. Hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp và tổ chức hội thảo nhân rộng:

2.1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp:

a) Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản); ở địa bàn còn lại được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu.

b) Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến và ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị: ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình; ở địa bàn còn lại được hỗ trợ tối đa 75% chi phí, nhưng không quá 125 triệu đồng/mô hình.

c) Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

d) Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

2.2. Hỗ trợ triển khai mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp: Mức chi tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình. Riêng mô hình trình diễn sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình.

2.3. Hỗ trợ nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng: Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ với mức là 15 triệu đồng/mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến.

3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình sản xuất công nghiệp và tổ chức hội thảo nhân rộng:

3.1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

3.2. Hỗ trợ đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình;

3.3. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở;

4. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; vật tư, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón; hỗ trợ mua máy móc, thiết bị gieo trồng, chăn nuôi, thu hoạch, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ nông thôn:

Hộ gia đình: được hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư hỗ trợ sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón; hỗ trợ mua máy móc, thiết bị sản xuất và chế biến, bảo quản sản phẩm không quá: 7,5 triệu đồng/hộ gia đình.

III. Hỗ trợ lãi suất vốn vay

Về chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp được thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

IV. Cơ chế quản lý nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới

Về cơ chế quản lý nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội; VPQH;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thủ tướng CP; VPCP;
- Bộ Tài chính; Bộ NN-PTNT; Bộ KHĐT
- TT Tỉnh ủy; VP Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh (đăng công báo);
- Cục kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- CV Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT-CTHĐ.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Phạm Đình Thu